

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 22-8-2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14/7/2025 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 32/2025/HNGĐ-ST ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2025/QĐ-PT ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1997.

HKTT: Khu phố L, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị U: Bà Đinh Thị Diệu L
- Luật sư Công ty L1; địa chỉ: Công ty L1, số F N, phường K, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993.

HKTT: Khu phố L, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Utrình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở sự tự nguyện ngày 07/12/2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) thị trấn H, huyện T (nay là UBND phường T) tỉnh Bắc Ninh.

Trước khi kết hôn hai vợ chồng có tự nguyện tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn có về chung sống với nhau ngay. Đời sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2024; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính chất công việc khác nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, anh H hay ghen tuông vô cớ. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 16/01/2025 đến nay, chị chuyển về sinh sống tại nhà đẻ ở thôn Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh). Từ khi vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con chung, chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 03/6/2020. Trong thời gian vợ chồng chung sống, chị là người trực tiếp chăm sóc cháu D, anh H chủ yếu kiếm tiền lo kinh tế gia đình. Trong thời gian chị U và anh H sống ly thân, chị và anh H vẫn thường xuyên đưa đón cháu, khi thì cháu D ở với bố, khi thì cháu D ở với mẹ. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh D. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Hiện nay, chị đang làm nhân viên tại Công ty TNHH C với mức thu nhập là 24.000.000 đồng/tháng; thời gian làm việc: Làm trong giờ hành chính; về chỗ ở: Chị hiện đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ tại T; bố mẹ chị có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu D.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H trình bày thống nhất với phần trình bày của chị Nguyễn Thị U về điều kiện kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, về việc vợ chồng đã sống ly thân và thời điểm sống ly thân. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn, anh cho rằng ngoài việc vợ chồng bất đồng quan điểm còn có nguyên nhân là do chị U làm cho người Trung Quốc, nhiều lần vào khu nhà ở của họ.

Đối với yêu cầu ly hôn của chị U, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh H đồng ý ly hôn với chị U nhưng tại phiên tòa, anh H xác định tình cảm vợ chồng không

còn nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để con được sống cùng cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị U có 01 con chung như chị U trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Hiện nay, anh đang làm lái xe cho Công ty và đưa xe cho Công ty thuê với mức thu nhập hàng tháng khoảng 45 triệu đồng; về chỗ ở: Anh hiện đang ở cùng nhà với mẹ đẻ anh là bà Đỗ Thị N tại T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi vợ chồng sinh sống về tình trạng hôn nhân: Chị U và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đời sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Vợ chồng có 01 con chung, khi chị U và anh H ly thân, cháu D thường xuyên ở với ai thì địa phương không nắm được.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 235, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị U được ly hôn với Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 03/6/2020 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, công nợ:* Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2025, bị đơn là anh Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý giải quyết ly hôn với chị U.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn H thay đổi yêu cầu kháng cáo, đồng ý giải quyết ly hôn với chị U nhưng xin được giao nuôi con chung của vợ chồng, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị U trình bày: Bản

án sơ thẩm đã xét xử phù hợp, khách quan nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn vào ngày 07/12/2019 UBND thị trấn H, huyện T (nay là UBND phường T) tỉnh Bắc Ninh. Tại thời điểm kết hôn anh H chị U đã đủ tuổi, đủ năng lực, đủ điều kiện kết hôn theo luật định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn do đó xác định mối quan hệ hôn nhân anh H và chị U là hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị U xin ly hôn với anh H. Quá trình giải quyết vụ án cả chị U và anh H đều xác định vợ chồng mâu thuẫn từ cuối năm 2024. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị U và anh H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo, đồng ý giải quyết ly hôn với chị U nên giữ nguyên quyết định của Tòa án sơ thẩm xử cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3.2]. Về con chung: Chị U và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 03/6/2020. Hiện nay, cháu vẫn do chị U và anh H thay nhau chăm sóc. Khi ly hôn, chị U và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

Xét về điều kiện, môi trường sống và giáo dục của các bên thì thấy: Chị U và anh H đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, anh chị đều có thu nhập ổn định, có chỗ ở, đều quan tâm, chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử thấy: cháu

D còn nhỏ, anh H cũng thừa nhận từ khi sinh cháu D, chị U là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục và ở gần con hơn và chị U thực hiện tốt chức năng của người mẹ nên bản án sơ thẩm giao cháu D cho chị U chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ và phù hợp. Anh H kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị U không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ: Chị U, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của anh Nguyễn Văn H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 03/6/2020 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, công nợ:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001647 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành (nay là Phòng thi hành án dân sự số 9-Bắc Ninh).

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng số 0001798 ngày 06/6/2025

của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành (nay là Phòng thi hành án dân sự số 9-Bắc Ninh).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND khu vực 9-Bắc Ninh;
- Phòng THADS số 9-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Thị Hà